

NHỮNG NGHI VẤN LỊCH SỬ

TRIỀU ĐẠI

QUANG TRUNG

Nguyễn Duy Chính

Đầu thế kỷ thứ XX, lịch sử Việt Nam có một bước ngoặt lớn. Lần đầu tiên, một bộ quốc sử với tên là *Việt Nam Sử Lược* [VNSL] của nhà giáo Trần Trọng Kim, được biên soạn tương đối khoa học, tuy ngắn gọn nhưng đến nay nhiều nhà nghiên cứu vẫn đánh giá là một bộ sách có giá trị “*qua thử thách của thời gian và sự mền mọ của độc giả*”¹. Ngoài nội dung tuy giản lược nhưng khá đầy đủ, Lê Thần Trần Trọng Kim lại có thêm những phần nghị luận khúc chiết, đưa ra được những lập trường minh bạch đi ngược hẳn với chủ trương của triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ, có thể nói là một cuộc cách mạng trong tư tưởng học thuật.

Mở đầu chương XI viết về “Nhà Nguyễn Tây-Sơn”, tác giả đã dành ra hai trang phân tích về lễ “*chính thống*” và “*ngụy triều*” để bác bỏ quan niệm trong hơn 100 năm qua lúc nào cũng coi Tây Sơn là một bọn giặc, chỉ vì cái tội đã chống lại chúa Nguyễn. Đoạn mở đầu đó vẫn được coi như lời biện hộ đanh thép mà hầu hết những người đọc sử đều chấp nhận.

Thế nhưng tổng kết lại trong gần 40 trang viết về triều đại Tây Sơn không phải không có những khuyết điểm. Tác giả VNSL đã sử dụng lẫn lộn chính sử và dã sử, kể cả tiểu thuyết với nhiều chi tiết không được kiểm chứng tạo thành một nếp suy nghĩ rất khó gột rửa cho người đi sau. Theo chân Lê Thần Trần Trọng Kim, những tác giả nghiên cứu về thời đại Tây Sơn cho tới nay vẫn không tách rời văn bản ngoại sử ra khỏi tài liệu nghiên cứu.

Với kinh nghiệm tự thân về những ngụy tạo và bóp méo lịch sử rất tinh vi đã chứng kiến trong vài chục năm qua, nhiều chi tiết trong tài liệu của triều Nguyễn viết về đối phương cần đặt vào khu vực “*tôn nghi*” phải đối chiếu kỹ lưỡng trước khi sử dụng. Đó là nguyên nhân chủ yếu trong những suy nghĩ của bài này.

TÊN VUA QUANG TRUNG LÀ GÌ?

Theo sử, tên ông là Nguyễn Huệ hay Nguyễn Văn Huệ [Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện (LT) XXX, tr. 17a], khi xin phong vương thì đổi tên là Nguyễn Quang Bình [LT XXX, 37b]. Đến gần đây, nhiều người lại cho rằng ông còn có những tên tục khác như Hồ Thơm, chú Ba Thơm ... Những chi tiết đó không có chứng cứ gì chắc chắn.

Người Việt Nam thường không chỉ có một tên nhất định mà có tên gọi hàng ngày nôm na và tên chữ để ghi trên giấy tờ. Nhiều người vì lý do thi cử hay chính trị cũng đổi tên, đổi họ khiến người không quen chẳng còn biết đâu là tên thật, đâu là bí danh. Việc Nguyễn Huệ đổi tên thành Nguyễn Quang Bình khi giao thiệp với nhà Thanh được sao chép theo sử triều Nguyễn một cách máy móc. Có người còn cho rằng đây chỉ là tên giả theo thông lệ của các đời vua trước khi liên lạc với Trung Hoa.

Thực ra tên Nguyễn Quang Bình hay Nguyễn Văn Bình đã xuất hiện ở những tài liệu có cơ sở trước khi Nguyễn Huệ xin phong vương:

- 1- Theo Phủ Biên Tạp Lục do Lê Quý Đôn (1726-1784) soạn năm Cảnh Hưng 37 (1776) thì “*Việp Quận-công còn cho em Nguyễn-văn-Nhạc là Nguyễn-văn-Bình (về sau là vua Quang-trung) làm chức Tướng-quân Tiền-phong*”² (năm Ất Vị 1775) [Nguyên văn: 曄公復許...授其弟文平(後爲光中)爲先鋒將軍) (PBTL quyển I, tr. 49)³
- 2- Theo một tờ biểu của Nguyễn Huệ gửi lên vua Càn Long giữa năm Mậu Thân [1788] khi ông sai quan trấn thủ Văn Uyên (文淵) là Hoàng Đình Cầu (黃廷球) và Nguyễn Đình Liễn (阮廷璉) đem lễ vật lên tiến cống cũng đã ký tên là Nguyễn Quang Bình (阮光平).⁴

Hai tài liệu này đều được viết trước khi Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, do đó chắc chắn không phải để đến khi xin cầu phong ông mới đổi tên thành Nguyễn Quang Bình.

Một chứng cứ khác cũng cần xem xét. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông được vua Thái Đức phong là Bình Vương. Trước đây các tài liệu gọi ông là Bắc Bình Vương nhưng trong các thư từ gửi Nguyễn Thiếp thì ông tự xưng là Đại Nguyên Soái Tổng Quốc Chính Bình Vương [đại nguyên soái kiêm nhiệm quốc chính Bình Vương]. Chữ Bắc trong danh hiệu này chắc là do người ngoài thêm vào chứ không phải nguyên thủy trong tước vị. Cũng vì thế mà giáo sư Hoàng Xuân Hãn cũng đã nhầm, tưởng ông được phong làm Chính Bình Vương [thực ra chữ Chính là nhiệm vụ Tổng Quốc Chính – lo hết mọi việc hành chánh]. Các chúa Trịnh, chúa Nguyễn cũng dùng tước Vương một chữ là vương vị cao quý nhất. Một thông lệ đời Lê và cả đời Nguyễn sau này là các tước hiệu thường dùng tên của chính người đó chẳng hạn như Minh Vũ Hầu Vũ Đình Minh, Hiệp Đức Hầu Nguyễn Phúc Hiệp, Kỷ Thiện Hầu Trần Văn Kỷ ...⁵ Việc Nguyễn Quang Bình được phong là Bình Vương có thể cũng theo tập tục đó.

Vậy tên Huệ do đâu mà có?

Theo chúng tôi, Huệ là tên thông tục gọi hàng ngày, thuộc loại tiểu danh hay nữ danh [tên gọi lúc còn bé] có thể thân mật nhưng không được dùng với ý nghĩa kính trọng⁶. Sử nhà Nguyễn khi chép về vua Quang Trung có chủ tâm hạ thấp, từ cách gọi xách mé đến chỗ xuyên tạc⁷ nên thường gọi trống là “Huệ”. Ngược lại, nhà Tây Sơn khi gọi chúa Nguyễn không dùng Nguyễn Phúc Ánh mà là “*Chũng*” cũng với mục đích tương tự. Trong các văn thư của nhà Thanh khi còn đối đầu với triều đình An Nam cũng gọi là Nguyễn Huệ nhưng trong những văn thư chính thức gửi sang nhà Thanh, dù cho cấp địa phương hay triều đình thì ông đều xưng tên mình là Nguyễn Quang Bình.

Một trong những cách để kiểm chứng là xem những chữ ký húy. Theo Ngô Đức Thọ, sách vở tài liệu đời Tây Sơn thường thấy kiêng các chữ Bình, chữ Phúc nhưng không kiêng chữ Huệ nên tác giả suy đoán rằng “*dưới triều Tây Sơn, trong phạm vi văn thư giấy tờ dân vua ngự lãm vẫn có quy định kiêng húy, ít nhất là đối với một số trường hợp như chữ Bình đã thấy trong sắc phong ở đền Hai Bà Trưng*”.⁸ Ngô tiên sinh cũng phân tích rõ ràng về ba chữ Huệ, Bình và Phúc và cho rằng việc kiêng chữ Phúc là vì khi ra Thăng Long ông đã dùng con dấu “Phụng Thiên Phật Bạo Nguyễn Phúc” (Vâng mệnh trời trừng phạt bạo chúa [họ] Nguyễn Phúc) nhằm “*thể hiện ý căm ghét*” mà chữ gọi là “*đó ý tị húy*”.⁹ Lý giải này cũng khiến cho chúng ta không dám tin rằng tên cha của anh em Nguyễn Nhạc là Phúc như ghi trong Liệt Truyện.

VUA QUANG TRUNG CÓ MẤY ANH EM?

Theo LT, quyển XXX [tr. 1a, b] phần Nguyễn Văn Nhạc có chép:

Nguyễn Văn Nhạc là người huyện Phù Ly [nay là Phù Cát], tỉnh Qui Nhơn [nay là Bình Định]. Tổ tiên vốn là người ở Hưng Nguyên, Nghệ An. Đời Lê Thịnh Đức¹⁰, ông tổ bốn đời bị quan quân bắt đưa vào Qui Ninh [nay là Hoài Nhơn], ấp Nhất [Tây Sơn có hai ấp Nhất và Nhị, nay là An Khê, Cửu An hai phủ].

Cha y là Phúc, dọn sang ở ấp Kiên Thành [nay là thôn Phú Lạc, huyện Tuy Viễn], sinh được ba con trai, con trưởng là Nhạc, con thứ là Lữ, dưới nữa là Huệ làm nghề buôn trâu thường mua bán với người mọi ...

Những chi tiết về thân thế, danh tính và thứ tự anh em Tây Sơn chép trong sử triều Nguyễn thường không ăn khớp với những tài liệu khác, kể cả của một số người ngoại quốc có mặt ở nước ta thời gian đó. Nói chung, những chi tiết về thân thế của Nhạc, Huệ, Lữ rất mơ hồ, khó kiểm chứng.

Trong *Khâm Định An Nam Kỷ Lục* (ANKL) [tập hợp văn thư của nhà Thanh trong giao thiệp qua lại với Tây Sơn] quyển XIX, ở một tấu thư của Phúc Khang An, Tôn Sĩ Nghị, Tôn Vĩnh Thanh và Hải Lộc tâu lên vua Càn Long ngày mồng 3 tháng 5 năm Kỷ Dậu [1789] sứ thần nước ta là Nguyễn Quang Hiển khai về thân thế của mình như sau:

... Nguyễn Quang Hiển nói rằng tôi là đích trưởng diệt [cháu lớn nhất thuộc dòng chính], Nguyễn Huệ nuôi dạy như con. Cha tôi là Nguyễn Quang Hoa [阮光華] mất sớm, chú thứ hai là Quang Nhạc [光岳], hiện ở Quảng Nam, chú thứ ba là Quang Bình [光平] tức Nguyễn Huệ, chú thứ tư là Quang Thái [光泰] cũng sống ở Quảng Nam, trên núi Tây Sơn.¹¹

Xét theo văn bản, đây là chi tiết đầu tay quan trọng nhất do một người trong gia đình khai ra mà chúng ta có thể kiểm được, cũng phù hợp với những chi tiết khác trong ngoại sử. Tác giả Tạ Chí Đại Trường trong một biên khảo tương đối đầy đủ về gia đình Nguyễn Nhạc cũng nêu lên những bất nhất trong sách vở về thứ bậc và nguồn gốc anh em Tây Sơn.¹²

Về thân thế của mình, trong nhiều biểu văn trần tình Nguyễn Huệ khẳng định rằng không có liên hệ quân thân với nhà Lê mà chỉ có ràng buộc hôn nhân. Vua Quang Trung cũng nhắc đi nhắc lại gia đình ông đã “chín đời” vào ở đất Tây Sơn và đôi khi còn tiết lộ mình thuộc hoàng tộc Chiêm Thành, trong nhà còn giữ được quốc ấn các đời trước được phong.¹³

Trong khi sử triều Nguyễn miêu tả gia đình Nguyễn Nhạc thuộc hạng bần dân, vốn là tù binh bị đi đày còn theo những văn bản của Tây Sơn thì họ đã vào định cư ở Qui Nhơn khá lâu [chín đời tính ra cũng khoảng 200 năm] và nếu đúng thì chưa hẳn họ đã hoàn toàn thuần chủng Việt.

Một điểm đáng chú ý khác là Nguyễn Huệ luôn luôn xưng rằng mình là kẻ bạch đình [nguyên bản bố y mà chúng ta thường dịch là áo vải, nghĩa là người dân không có quan tước, quần áo không có phẩm phục] như để phủ nhận mọi liên hệ với triều đình An Nam, dù trong nam hay ngoài bắc, xác định rằng họ đứng ngoài mọi tranh chấp quyền lực của các triều đại.

Với lời khai của Nguyễn Quang Hiến, chúng ta thấy rằng Nguyễn [Quang] Nhạc không phải là con trưởng mà còn đứng sau Nguyễn Quang Hoa. Nguyễn Quang Bình là anh của Nguyễn Quang Thái [tức Nguyễn Lễ] chứ không phải là em như ghi chép trong Liệt Truyện. Cho đến năm 1789, Nguyễn Quang Thái [Lễ] còn sống, ẩn cư trên núi Tây Sơn đúng như những gì được ghi nhận trong sách vở nhưng ông ta chết năm nào thì không rõ.

Việc cha ông có tên là Phúc mà sau này nhiều người cho rằng gốc họ Hồ, anh em Nguyễn Nhạc đổi sang họ Nguyễn để thu phục nhân tâm, cũng không đáng tin cậy. Việc tị húy chữ Phúc đời Tây Sơn không phải vì đó là tên cha của vua mà vì lý do căm ghét.

VUA QUANG TRUNG LÊN NGÔI LÚC NÀO?

Từ trước đến nay, sử nước ta vẫn cho rằng Nguyễn Huệ lên ngôi để cho “chính vị”. Lý do đó hàm ý bản tâm ông không (hay chưa) muốn lên ngôi nhưng đành phải miễn cưỡng vì nhu cầu quân sự và chính trị. Việc vua Quang Trung lên ngôi hoàng đế để danh chính ngôn thuận ra đánh quân Thanh được chấp nhận như một “lý sở đương nhiên”, không ai dị nghị mặc dù một số tác giả có đặt câu hỏi về ngày giờ chính xác ông đăng quang ở núi Bân.

Thực ra, Nguyễn Huệ không phải không muốn lên ngôi mà ông đã có ý tự lập ngay từ khi đem quân ra Bắc Hà lần thứ hai vào tháng 5 năm 1788. Cũng vào thời gian này, ông gặp Ngô Thì Nhậm và người bấy tôi mới lập tức khuyên ông lên ngôi hoàng đế đồng thời chủ trì việc đi “xin chữ ký” để suy tôn ông cho hợp cách.

Sau ba bức thư “suy tôn” [do Ngô Thì Nhậm soạn] (chưa kể một chiếu trưng cầu dân ý do chính Nguyễn Huệ hỏi dân Bắc Hà) nhưng tình hình chưa thuận lợi khiến Nguyễn Huệ hậm hực bỏ về Phú Xuân. Ở đây, Bình Vương đã chủ động việc lên ngôi, bỏ qua những hình thức bề ngoài mà ông thấy rằng không còn cần thiết nữa.

Hiện tại có ba tài liệu với ba nhật kỳ đăng quang khác nhau: chính sử triều Nguyễn (LT), Hoàng Lê Nhất Thống Chí (HLNTC), và chi tiết trong thư của Hội Truyền Giáo Bắc Hà. Ngoài ra còn một nhật kỳ có hơi chênh lệch một chút với chính sử là bài Chiếu Lên Ngôi (Tức Vị Chiếu)¹⁴ chép trong Hàn Các Anh Hoa.

Liệt Truyện, quyển XXX chép:

Huệ được tin quát lớn: “Sao bọn chó Ngô dám can rở làm vậy?”. Lập tức ra lệnh xuất quân. Các tướng đều khuyên nên lấy ngôi vị cho chính để nối kết lòng người. Huệ mới xây đàn ở phía nam Bình Sơn, lấy ngày 25 tháng 11 tự lập làm hoàng đế, đổi niên hiệu thành Quang Trung, ngay hôm đó đem hết tướng sĩ thủy lục cùng tiến ...¹⁵

Hoàng Lê Nhất Thống Chí (Ngô Gia Văn Phái) thì viết như sau:

... Ngày 20 tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp thì ngày 24 (tháng 11), Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân, Bắc Bình Vương được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng các người đến họp đều nói:

- Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thực vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh càng dễ sinh ra ngờ vực, hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa là muộn.

Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân (ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, Thừa Thiên – Huế), tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra áo cổn, mũ miện, lên ngôi Hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung.

Lễ xong hạ lệnh xuất quân. Hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).¹⁶

Theo thư của các giáo sĩ có mặt tại Việt Nam còn lưu lại trong Nhật Ký Về Những Sự Kiện Đáng Ghi Nhớ, Nha Văn Khố Quốc Gia Paris (Paris, Archives Nationales số F5; A 22) thì :

... Bắc vương đã ấn định ngày 11 tháng Mười [âm lịch] tức ngày mồng 8 tháng Mười Một là ngày ông tự phong mình làm Hoàng đế dưới danh hiệu “Quang Trung” (có nghĩa là ánh sáng trung ương tức là theo sự giải thích có lẽ đúng nhất, mặt trời của vũ trụ) đồng thời ông đang bận tính một kế hoạch vĩ đại theo như sắc lệnh ban bố ngày 6 tháng Mười [âm lịch] hay ngày 3 tháng Mười Một gọi cho Đại thần Đại tư Mã và tất cả các quan hay sĩ quan Tây Sơn làm việc tại Bắc Kỳ ...¹⁷

Những tài liệu trên, tài liệu nào gần với sự thực nhất vẫn còn là một câu hỏi chưa có trả lời đích xác mặc dù nếu theo văn bản thì thư của các thừa sai của Hội Truyền Giáo là tài liệu của chính thời đó còn để lại trong khi DNCBLT và Hoàng Lê Nhất Thống Chí chỉ được biên soạn và ấn hành vài chục năm sau khi sự việc xảy ra.

Hiện nay trong Hàn Các Anh Hoa còn chép một bài *Chiếu Lên Ngôi* của vua Quang Trung do Ngô Thì Nhậm soạn, trong đó có một câu như sau:

天位惟艱，朕誠慮不克堪，而四海億兆環歸于朕一人。茲乃天意夫豈人事，朕應天順人，不可牢執遜讓以今年十一月二十二日即天子位，紀年為光中元年。咨爾百姓萬民惟皇極之敷言，是訓是行仁義中正。

Thiên vị duy gian, trăm thành lự bất khắc kham, nhi tứ hải ức triệu hoàn qui ư trăm nhất nhân. Tư nãi thiên ý, phù khởi nhân sự, trăm ứng thiên thuận nhân, bất khả lao chấp, tổn nhượng dĩ kim niên thập nhất nguyệt nhi thập nhị nhật tức thiên tử vị kỷ nguyên vi Quang Trung nguyên niên.

Trăm nghĩ: nghiệp lớn rất trọng, ngôi trời khó khăn, trăm thật lòng lo không đương nổi. Nhưng ức triệu người trong bốn bể trông cậy vào một mình trăm. Đó là ý trời, há phải việc người? Trăm ứng mệnh trời, thuận lòng người, không thể cố chấp nhún nhường mãi, lấy ngày 22 tháng 11 năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là Quang Trung nguyên niên.¹⁸

Phân tích một số chi tiết trong bài *Chiếu Lên Ngôi* chúng ta ngờ rằng bài này được soạn trước khi nghe tin quân Thanh sang chiếm nước ta, nếu không đồng thời với tờ biểu “*suy tôn*” lần thứ ba thì cũng chỉ sau đó một thời gian ngắn [mặc dù ngày đăng quang có thể được diễn vào sau].

Vấn trong bài chiếu tức vị này hoàn toàn là văn chương thời bình, không phải thời chiến, không nhắc đến xa gần gì về việc quân Thanh xâm chiếm nước ta và lên ngôi để thu phục nhân tâm như sử đã chép. Chính vì thế, một số câu văn sáo mòn đầy giả tạo, chẳng hạn: “*Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước*

cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cõi đất mà thôi. Nhưng việc đời đời đổi, rốt cuộc trẫm không được như chí nguyện.” hay “Người làm quan hãy giữ phong độ hoà mục, người làm dân yên trong lệ tục vui hoà, trị giáo mở mang hưng khởi đến chỗ rất thuận, để văn hôì thời thịnh trị của Ngũ đế, Tam vương, khiến cho tông miếu xã tắc được phúc không cùng, há chẳng đẹp đẽ sao?”¹⁹ vẫn còn hiện diện trong bài chiếu.

Qua những sự kiện nêu trên, việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ít nhất cũng đã được dự tính từ tháng 8 năm Mậu Thân khi ông phong vương cho Nguyễn Quang Toản²⁰, nghĩa là tách riêng ra thành một vương triều mới không còn lệ thuộc vào vua Thái Đức ở Qui Nhơn. Việc phong cho con lên tước vương đồng nghĩa với việc xác định người cha lên ngôi hoàng đế nên lễ đăng quang của vua Quang Trung chỉ là hợp thức hóa một sự việc đã công khai.

Theo nhật ký của các giáo sĩ trong Hội Truyền Giáo Bắc Hà thì Nguyễn Huệ lên ngôi là ngày 11 tháng 10 năm Mậu Thân (8-11-1788), tính ra trước cả khi Tôn Sĩ Nghị ra khỏi Nam Quan (28-10 Mậu Thân)²¹. Cho nên, khi quân Thanh vào Thăng Long (cuối tháng 11 năm Mậu Thân), Nguyễn Huệ đã là hoàng đế Quang Trung rồi, không còn phải bận bịu gì về việc đăng quang hay sắp đặt triều chính trong ngoài nữa.

Chúng ta cũng có thể tin rằng trong khoảng từ tháng 7 đến tháng 10 năm Mậu Thân, tin tức về việc quân Thanh sang đánh nước ta được loan truyền rộng rãi tại Bắc Hà và Nguyễn Huệ muốn sớm lên ngôi để ông còn có thì giờ chuẩn bị chiến tranh, đúng như bản hịch văn kêu gọi tướng sĩ mà các nhà truyền giáo đã dịch sang tiếng Pháp [đề ngày 3 tháng 10 âm lịch, Thái Đức 11 (1788)] năm ngày trước khi lên ngôi theo tin tức của các nhà truyền giáo.²²

Trong ba nhật kỳ, của các giáo sĩ, trong tờ chiếu lên ngôi và trong HLNTC thì nhật kỳ 25 tháng 12 Â.L. trong HLNTC phải loại ra vì xem ra quá xít xao, không thể thực hiện được [25-12 lên ngôi ở Phú Xuân, 30-12 đã kéo quân ra đến Nghệ An]. nhật kỳ trong chiếu lên ngôi và trong Liệt Truyện khá gần [25-11 Â.L. và 22-11 Â.L.], tuy khác nhau nhưng cũng có cơ sở. Có thể ông đã đăng quang ngày 11 tháng 10 Â.L. [theo báo cáo của các giáo sĩ] nhưng khi nghe tin quân Thanh sang đánh, vua Quang Trung đã tổ chức một đại lễ ở núi Bân mà sách vở gọi là *đại sư* (大師) hay *thân chinh* để đích thân nhà vua đem quân đi vào ngày 22-11 Â.L. như Liệt Truyện ghi nhận.

Với những mốc nhật kỳ tương đối chính xác theo ghi nhận của những nhà truyền giáo thì sau khi lên ngôi, vua Quang Trung còn mất một thời gian tuyển mộ binh lính, thu góp lương thực để chuẩn bị cho một đại chiến địch đối phó với quân Thanh. Khi đến Thanh Hóa, vua Quang Trung lại tổ chức một đại lễ *xuất quân* [hay *đại duyệt*] ở Thanh Hóa cuối tháng 12 để cho quân ăn Tết trước mà tin loan truyền qua lại khiến dân chúng Bắc Hà nhầm rằng đây là lễ đăng quang. Đại lễ xuất quân này còn được ghi chép trong nhiều sách vở điển hình là Lịch Triều Tạp Ký của Ngô Cao Lãng:

... Huệ không nghe, liền chỉnh đốn binh tượng, làm lễ ra quân ở Thọ Hạc. Huệ ngồi trên đầu voi, ra lệnh rằng:

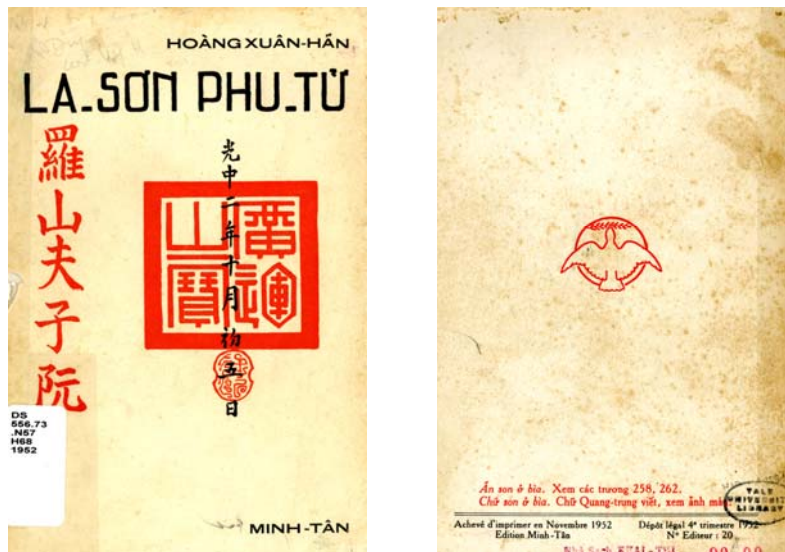
“Trong các quân của ta, ai muốn đánh thì phải vì ta mà giết cho hết lũ chó Ngô. Nếu không muốn đánh, hãy xem ta chỉ trong một trận giết hàng mấy vạn mạng người cho coi, không phải là nói khoác đâu”.

Nói xong các quân đều dạ ran như sấm, núi rừng rung động, chiêng trống vang rền, hành quân tiến gấp.²³

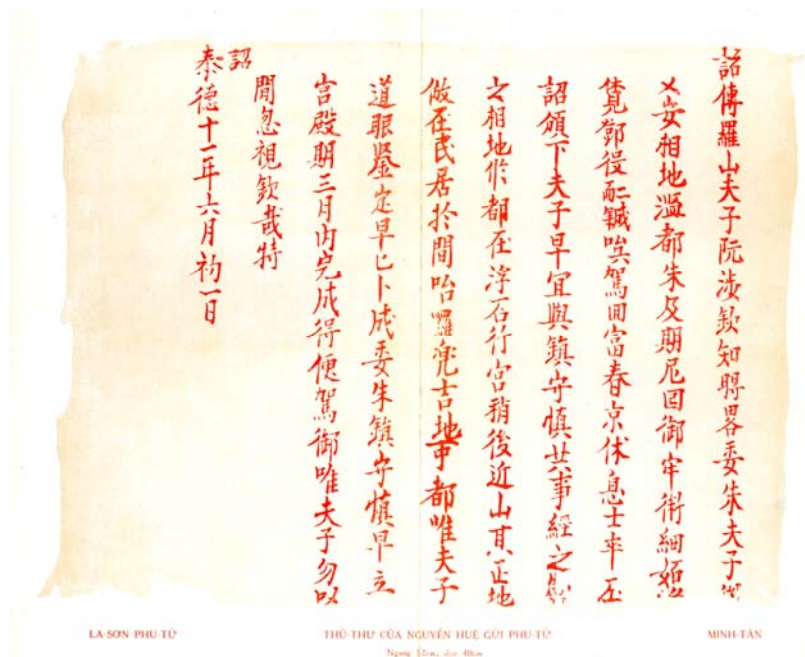
Xét như thế, chúng ta thấy rằng trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 (Â.L.) năm Mậu Thân, không phải chỉ có một lễ đăng quang của vua Quang Trung mà có tới ba lễ khác nhau, lễ đăng quang tháng 10 ở trong cung (theo đúng thủ tục mà bên ngoài ghi nhận), lễ thân chinh tháng 11 ở núi Bân để cho quân sĩ biết rằng ông sẽ đích thân cầm quân ra Bắc (như sử triều Nguyễn ghi nhận), và sau cùng là lễ đại duyệt ở Thanh Hóa (như dân Bắc Hà ghi nhận) để khẳng định rằng ông sẽ đánh cho địch “*chích luân bất phản, phiến giáp bất hoàn*”. Đối với một nhà quân sự tài ba như Nguyễn Huệ, chúng ta khó có thể tin rằng ông làm việc tùy tiện mà luôn luôn dự liệu để đối phó với những biến cố bất thường. Ông cũng đã thu xếp ổn thoả mọi vấn đề kể cả việc bố trí những cánh quân dàn trải đều trên khắp vương quốc để phòng ngự tấn công.

CÓ THỰC LÀ BÚT TÍCH CỦA VUA QUANG TRUNG?

Bìa quyển *La Sơn Phu Tử*



Tờ chiếu Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp



Một trong những phụ bản độc nhất vô nhị kèm theo quyển *La Sơn Phu Tử*²⁴ là lá thư viết bằng mực son mà tác giả Hoàng Xuân Hãn tin tưởng đó chính là thủ bút của

Nguyễn Huệ. Hãy đọc lời tựa của Hoàng tiên sinh viết vào tháng năm, năm Ất Dậu (1945) tại Hà Nội:

... Một buổi hè nóng nực năm Kỷ-mão 1939, tôi đã lội suối trèo non, mà tới ngọn núi mang dấu phu-tử từ lúc sinh thời đến lúc tử-hậu.

Hai ngôi mộ nắp trong làn cỏ áy; mấy gian đền thờ trên núi không cây. Thành Lục-niên lác đác đá rêu xanh; khe Bộc-bố vọt tung vôi nước trắng. Trước mặt, núi nhấp-nhô đoàn ngựa chạy; sau lưng đá sừng-sực bức tường ngăn.

Đấy là cảnh tiêu sơ, làm cho khách qua thăm phải động lòng trắc-ẩn.

Sau tôi tới làng Nguyệt-ao dò thăm con cháu. Họ hàng nay thịnh-vượng, nhưng con cháu thấy điêu tàn. Nhà thờ một chái nhà tranh, tộc-trưởng một người cày mướn.

May có họ-hàng thân-thuộc đón tôi niềm-nở, và sau khi biết tôi cũng là miêu-duệ của phu-tử, mới cho tôi hay rằng còn giữ được chiếu-chỉ đời xưa. Một cụ già thấp hươg, vái rồi lấy ống-sắc mở ra. Rút mãi, kéo ra một cuộn giấy cũ. Tôi trong lòng hồi-hộp, tay mở cuốn ra xem. Bèn thấy dấu son còn đỏ chói, chữ mực vẫn chưa phai; duy chỉ giấy xưa lâu ngày đã thành vàng úa, và bị cuốn chặt quá nên mép rách sờn.

Nào chiếu, nào thư, nào tờ truyền, nào đạo sắc. Niên-hiệu Cảnh-hưng, Thái-đức, Cảnh-thịnh, Quang-trung. Lối chữ đủ lối chân, lối thảo, lối nghiêm-trang của người thư-lại, lối linh-động của bực túc-nho.

Chợt thấy một bức chữ son, nét son tàu đỏ thẫm. Nét bút vụng về nhưng vạm-vỡ. Mắt tôi không chớp, lòng tôi bấn-khoăn. Hẳn đây là thủ bút của một vua nào! Niên-hiệu đề Thái-đức, nhưng lời thư bằng nôm là của vua Quang-trung! Mà di bút ấy lại là bức thư mà Quang-trung tự viết mời phu-tử xem đất đóng đô. Lời thư lại bằng nôm. Đó là một sử-liệu quý giá vô ngần, nó tỏ rằng Quang-trung cũng biết chữ nhưng không thông; rằng Quang-trung dùng chữ nôm trong công văn; rằng Quang-trung biết trọng hiền-tài; rằng phu-tử giỏi địa-lý và Quang-trung tin địa-lý; rằng Quang-trung muốn đóng đô ở Phù-thạch, và rằng chính Quang-trung cầm quân ra giết Vũ Văn-Nhậm ở Thăng-long ...

Tờ chiếu đó nguyên văn như sau:

Chiếu truyền La-sơn Phu-tử Nguyễn Thiệp²⁵ khâm tri. Ngày trước uỷ cho Phu-tử về Nghệ-an tướng địa làm đô cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó, chưa thấy dựng việc gì. Nên hãy giá hồi Phú-xuân-kinh htu-tức sĩ-tốt.

Vậy chiếu ban hạ Phu-tử tảo nghi dữ trấn-thủ Thận cọng sự, kinh chi dinh chi, tướng địa tác đô tại Phù-thạch. Hành-cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính-địa, phỏng tại dân-cư ư gian, hay là đầu cát-địa khả đô, duy Phu-tử đạo-nhãn giám-định.

Tảo tảo bốc thành! Uy cho Trấn-thủ Thận tảo lập cung điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn-thành, đặc tiên giá ngư. Duy Phu-tử vật dĩ nhàn hốt thị.

Khâm tai! đặc chiếu.

Thái-đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật (1788).²⁶

Tác giả Hoàng Xuân Hãn ghi nhận rằng bức thư do chính tay Nguyễn Huệ viết “*bằng son Tàu, không có dấu đóng*”.²⁷ Nếu quả thực đây là thủ bút của vua Quang Trung thì là một tài liệu quý giá vô ngần, xứng đáng để làm quốc bảo cho dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, muốn đúng như thế, chúng ta cần thêm những chứng cứ khác để củng cố sự tin tưởng của tác giả. Cho đến nay, chưa thấy ai đưa ra được một lý lẽ chặt chẽ hơn để ủng hộ quan điểm này mặc dầu nhiều sách vở đã không còn coi như một nghi vấn mà viết thẳng dưới phụ chú là “Thủ Bút của vua Quang Trung”.

Trước hết, Hoàng tiên sinh khẳng định rằng đây là thư do chính tay Nguyễn Huệ viết nhưng chỉ căn cứ vào một lý lẽ duy nhất là được viết bằng mực son và phỏng chừng là nét bút cứng cõi có vẻ của một võ tướng:

Bức chiếu này viết bằng nửa nôm nửa chữ. Trên này là nguyên-văn. Tiếng dùng là tiếng đang trong, ví-dụ: đặng là được. Nét bằng son hồng đều, nay còn rất tươi. Tuy nét bút cứng-cáp, chững-chạc, nhưng cũng rõ là người viết chưa luyện. Chữ cách nhau không đều-đặn. Có chữ sót sau thêm vào, như chữ chiếu ở gần cuối. Có chữ tô đi tô lại; có chữ viết lằm, như chữ đô ở hàng thứ năm và chữ giám ở hàng thứ bảy. Chữ tên Nguyễn Thiếp cũng viết lằm.

Lần này là lần đầu mà cụ nhận được một tờ chiếu, mà không có dấu son. Ấy vì không cần, bởi lẽ chữ viết bằng son là chữ dành riêng cho vua viết. Chừng ấy chúng cũng đủ tỏ rằng chiếu này chính tay Chính-bình-vương viết. Lời tuy nôm nhưng dùng những câu toàn chữ xen vào. Hay là nói cho đúng, thì đó là văn chữ có xen nôm. Như thế tỏ rằng Nguyễn Huệ không phải hoàn-toàn vô học.²⁸

Chiếu theo nội dung, lá thư này viết ở Phú Xuân, sau khi Nguyễn Huệ rút quân về “*cho binh sĩ nghỉ ngơi*”. Việc chọn đất và vẽ kiểu kinh đô, ông cũng đưa ra những nét chính, đó là cung điện xây tại Phù Thạch, hành cung ở sau gần núi. Cung điện chính thì ở gần nơi dân cư hay nơi nào được đất, tùy theo Nguyễn Thiếp chọn. Vậy đây là một văn kiện quan trọng, không phải chỉ là lời lẽ thăm hỏi thông thường hay vài hàng kèm theo quà cáp để có thể gửi một cách khinh suất. Vả lại, Nguyễn Huệ đang ở kinh đô, không phải tại một nơi biên địa hay trên đường đi nên phải tùy tiện làm khi gấp gáp.

Đối với nho gia ngày xưa, từ giấy tờ đến cách xưng hô bao giờ cũng lấy lễ “*chính danh*” trước khi “*định phận*”. Theo như nội dung, Bình vương đã ủy quyền cho Nguyễn Thiếp định đoạt địa điểm, còn Trấn thủ Thận chỉ thực hiện việc dựng cung điện theo ý của La Sơn phu tử nhất là Nguyễn Huệ muốn làm gấp trong vòng ba tháng đủ biết ông dành tài lực vật lực gần như vô giới hạn vào công tác này. Với lời lẽ rõ ràng như thế, trách nhiệm trên vai Nguyễn Thiếp rất lớn và minh bạch.

Tính theo thời gian, từ tháng 6 thêm ba tháng nữa, cộng thời gian qua lại chúng ta có thể ước lượng rằng Nguyễn Huệ định ra Nghệ An vào khoảng tháng 10 năm Mậu Thân [1788] và sắp xếp để làm lễ đăng quang tại đây như tin đồn mà giáo sĩ La Barrette nghe được trong một lá thư gửi cho Le Breton “... án định ngày 11 tháng Mười (âm lịch) tức ngày mồng 8 tháng Mười Một là ngày ông tự phong mình làm Hoàng đế dưới danh hiệu “Quang Trung””²⁹. Việc xây dựng có lẽ chỉ đình lại khi quân Thanh kéo sang nước ta đưa đến những thay đổi ngoài dự tính.

Có lẽ giáo sư Hoàng Xuân Hãn vì mừng quá nên tin tưởng rằng đây chính là thủ bút của Nguyễn Huệ. Thực ra, không có nguyên tắc nào quy định rằng chỉ nhà vua mới được dùng mực son. Trong dân gian, thầy đồ viết phóng, khảo quan chấm bài cũng dùng màu đỏ để phân biệt với học trò hay thí sinh dùng mực thường. Những tờ chiếu khác của Bình Vương gửi Nguyễn Thiếp không dùng chữ son mà dùng mực đen. Thông thường chỉ có những lời phê của nhà vua trên các tờ biểu của các quan gửi lên mới dùng chữ son để phân biệt (châu phê). Những văn bản khác tuy trên danh nghĩa là lời của nhà vua nhưng thường do nội các soạn, viết bằng mực đen trên giấy vàng có đóng dấu ngọc tử.

Hình thức của bản văn này cũng có những điểm đáng ngờ vì hoàn toàn không theo đúng qui luật của một tờ sắc. Ngoài chi tiết quan trọng nhất là thiếu con dấu đóng trên hàng chữ Thái-đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật để bảo đảm đây là một công văn của triều đình, khoảng cách giữa nội dung tờ sắc và ngày cũng quá sát (thông thường phải có một khoảng trống để người nhận có thể trả lời mặc dù lắm khi chỉ là hình thức). Một vài chữ được đậm lại hay sửa khiến chúng ta có thể ngờ rằng người viết đọc không rành hay viết không thông hoặc viết trại đi vì một lý do khác.

Dù cấp bách, khó có thể tin được rằng Nguyễn Huệ phải tự tay viết một lá thư quên cả đóng dấu vì Nguyệt Ao tiên sinh quen thuộc đến mức nhìn vào mặt chữ là biết ngay. Hai người chưa thân tình đến thế và việc viết một lá thư riêng đơn giản không đúng với qui cách của triều đình, không coi trọng người nhận, chưa kể có thể bị giả mạo hay sửa đổi. Chính vì thế, ngoài dấu triện Quảng Vận Chi Bảo (廣運之寶) để bảo đảm rằng đây là một văn thư chính thức, những con số và vị trí quan trọng trên giấy tờ ngoài việc viết bằng chữ kếp còn đóng thêm dấu kiểm nhỏ để không ai có thể thay đổi mà không bị phát hiện.

Theo suy nghĩ của chúng tôi, đây là một dụ chỉ khẩn cấp. Trước đây Bình Vương đã yêu cầu Nguyễn Thiếp đi xem đất và chọn địa điểm để xây cung điện. Tuy nhiên sau đó tình hình chưa yên nhất là có vụ xung đột với Vũ Văn Nhậm [có nơi viết là Nguyễn Nhậm] khiến ông phải đích thân ra Bắc để dẹp yên. Khi về ngang qua Nghệ An, công việc vẫn chưa được xúc tiến nên khi về Phú Xuân ông phải viết một lá thư, vừa trách móc, vừa hối thúc và định cho một kỳ hạn rất gấp rút [ba tháng phải xong]. Sau đây chúng tôi xin trích lại lá thư đã được giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết lại theo lối chúng ta hiểu ngày hôm nay:

Chiếu truyền cho La-sơn phu-tử Nguyễn Thiệp được biết. Ngày trước, ủy cho Phu-tử về Nghệ-an xem đất đóng đô cho kịp kỳ này ngự-giá ở Bắc về trú. Sao ta về tới đó thấy chưa được việc gì? Nên ta hãy hồi-giá về Phú xuân-kinh cho sĩ-tốt nghỉ-ngoi. Vậy chiếu ban xuống cho Phu-tử nên sớm cùng ông trấn-thủ Thận tính-toán mà làm việc, xem đất đóng đô tại Phù-thạch. Hành-cung thì để phía sau khá gần núi. Chọn đất hoặc ở chỗ có dân-cư, hoặc chỗ nào đất tốt có thể đóng đô được, là tùy Phu-tử lấy con mắt tinh mà xét định. Sớm sớm chọn lấy, giao cho trấn-thủ Thận chóng dựng cung-diện. Hẹn trong ba tháng thì xong, để tiện việc giá-ngự. Vậy Phu-tử chớ để chậm-chạp không chịu xem.

Kính thay. Đặc chiếu ...

Thái-đức năm thứ 11, tháng sáu, ngày mồng 1.³⁰

Chính vì gấp gáp như thế, Nguyễn Huệ chắc cũng dặn người đưa thư bắt Nguyễn Thiếp phải trả lời ngay trên văn bản để đem về trình, minh xác rằng người nhận đã đọc để thi hành ngay, không có lý do gì để thoái thác nữa. Chúng tôi đoán là thế vì những lá thư trước, thường thư gửi và thư trả lời luôn luôn có một khoảng thời gian có lẽ lúc đầu Nguyễn Huệ còn đủ khiêm cung để không tỏ ra quá lỗ mãng. Tuy nhiên, càng về sau chúng ta càng thấy ông thẳng thừng hơn, chẳng cứ gì với Nguyễn Thiếp mà cả những nhà nho khác ở Bắc Hà chứng tỏ uy quyền càng ngày càng được củng cố. Trong thời gian cấp bách đó, Nguyễn Thiếp đã sai người nhà, học trò hay con cháu, chép lại bản chính để lưu giữ và những lỗi “*khuể ngộ*” [sai lầm văn tự] là do người chép vội chứ không phải nguyên bản viết sai. Còn tên Nguyễn Thiếp [阮浹] chép ra Nguyễn Thiệp [阮涉] có thể vì người chép lại kiêng không dám viết thẳng tên thầy, tên cha mình.

Cũng vì thế, giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã không tìm thấy lá thư trả lời mà chỉ có lá thư của Nguyễn Huệ đáp lại mà nhân đó chúng ta đoán được phần nào nội dung hồi âm của Nguyễn Thiếp. Cũng nên thêm rằng, lá thư trả lời của Nguyễn Huệ đề ngày 19 tháng 6, chỉ cách có 17 ngày với lá thư này, tính ra chỉ đủ thời gian sứ giả đi từ Phú Xuân đến Nguyệt Ao và trở về Phú Xuân trình lại nên việc đòi trả lời ngay cũng hợp lý.

Nói tóm lại, theo chúng tôi đây chỉ là một bản sao chép lại chiếu thư của Nguyễn Huệ. Vì bản sao này viết bằng mực son nên đã gây ra một sự hiểu lầm và cũng không có chứng cứ gì để xác định đây là bút tích của Nguyễn Huệ.

CHÚ THÍCH

- ¹ Trần Anh Tuấn, “Niềm Vui và Nỗi Buồn Trong Một Cuộc Ra Mắt Sách”
<http://www.diendanthekey.net/2010/06/niem-vui-va-noi-buon-trong-mot-cuoc-ra.html>
- ² Lê Quý Đôn, *Phủ Biên Tạp Lục* (tập I: quyển 1, 2 & 3) bản dịch Lê Xuân Giáo (Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, 1972) tr. 132
- ³ *Phủ Biên Tạp Lục* (phần chữ Hán) tr. XCIX
- ⁴ Bản sao tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày mồng 8 tháng 7 năm Càn Long 53 (1788). Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) tr. 353
- ⁵ Lê Nguyễn Lưu, “Văn Khắc Thời Tây Sơn ở Huế” *Phủ Xuân Thuận Hóa thời Tây Sơn* [Kỷ Yếu Hội Thảo Khoa Học – lưu hành nội bộ] (Huế:2001) tr. 177
- ⁶ Nguyễn Ngọc Huy [di cảo 7], *Tên Họ Người Việt Nam* (San Jose: Mekong-Tynan, 1998) tr. 47-9
- ⁷ Chẳng hạn dùng chữ cô [姑] thay vì chữ [孤] khi tự xưng
- ⁸ Ngô, Đức Thọ, *Nghiên Cứu Chữ Húy Việt Nam Qua Các Triều Đại* (Les caractères interdits au Vietnam à travers l’Histoire) (Hà Nội: Văn Hóa, 1997) tr. 111.
- ⁹ Ngô Đức Thọ, sđd. tr. 108-9
- ¹⁰ Tức đời Lê Thần Tông [1653-1658]
- ¹¹ Bản dịch Nguyễn Duy Chính (chưa xuất bản)
- ¹² Tạ Chí Đại Trưỡng, “Góp thêm về phổ-hệ Tây-Sơn và chân dung anh em họ”. *Tập San Sử-Địa* [9-10/1968]: Đặc Khảo Về Quang-Trung tr. 112-133
- ¹³ Ngô Cao Lãng, *Lịch Triều Tạp Ký* (bản dịch Hoa Bằng, Hoàng Văn Lâu) [q. VI] (Hà Nội: KHXH, 1995) tr. 586
- ¹⁴ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (quyển I) Mai Quốc Liên [chủ biên] (Hà Nội: nxb Văn Học, 2001) tr. 172
- ¹⁵ 惠得報大罵何物吳狗敢爾猖狂。即下令舉兵。諸將咸勸請先正位號以繫人心。惠乃築壇于屏山之南，以十一月二十五日自立為帝，改元光中即日大率將士水陸齊進 ...
Huệ đắc báo đại mạt hà vật Ngô cẩu cảm nhĩ ương cuồng?”. Tức hạ lệnh cử binh. Chư tướng hàm khuyến thỉnh tiên chính vị hiệu dĩ hệ nhân tâm. Huệ nãi trúc đàn vu Bình sơn chi nam dĩ thập nhất nguyệt nhị thập ngũ nhật tự lập vi đế, cải nguyên Quang Trung tức nhật đại suất tướng sĩ thủy lục tề tiến ...
- ¹⁶ Ngô Gia Văn Phái. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch) (Hà Nội: nxb Văn Học, 2002) tr. 371-2
- ¹⁷ Đặng Phương Nghi, “Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc-tiến của Nguyễn Huệ” (*Tập san Sử-Địa* 9-10, 1968) tr. 214
- ¹⁸ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (2001) sđd. bản chữ Hán trang 513-517, bản dịch Mai Quốc Liên trang 173.
- ¹⁹ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (2001), sđd. tr. 172, 173.
- ²⁰ Ngày 18 tháng Mười Một tôi đọc một lá thư đề ngày 20 tháng Chín của đức ông La Bartette gửi cho ông Le Breton trong đó Đức ông cho biết rằng: Tiếm vương Phú Xuân hay Bắc vương vừa mới phong cho con trai ông làm Nam vương lúc đó mới có bảy tuổi, nhưng hoàng tử được coi như được mười hai tuổi vì theo như lời đồn, các quan muốn nịnh người cha nên tăng cho người con nhiều tuổi hơn. Đặng Phương Nghi, tldd. tr. 213-4
- ²¹ Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị (Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển VI)
- ²² Đặng Phương Nghi, tldd. tr. 214-6
- ²³ Ngô Cao Lãng, sđd tr. 586
- ²⁴ Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Phu Tử* (Paris: Minh Tân, 1952)
- ²⁵ Huệ viết tên cụ lằm ra Thiệp (lời chú của Hoàng Xuân Hãn)
- ²⁶ Hoàng Xuân Hãn, sđd tr. 118-9
- ²⁷ Hoàng Xuân Hãn, sđd tr. 118
- ²⁸ Hoàng Xuân Hãn, sđd tr. 119

²⁹ Đặng Phương Nghi, tldd tr. 214

³⁰ Hoàng Xuân Hãn, sđd tr.120